ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2
MÔN TOÁN. LỚP 1

Họ và tên:……Lớp 1….

I/ Phần trắc nghiệm:

Bài 1: **Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng.** (2đ)

1/ Số bé nhất có hai chữ số là:

A. 15 B. 11 C. 10 D. 19

2/ Số liền sau của số 19 là:

A. 17 B. 18 C. 19 D. 20

3/ Số liền trước của số 13 là:

A. 12 B. 13 C. 14 D. 15

4/ Các số 10 ; 19 ; 15, 17. được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. 10, 17, 19, 15 B. 19, 17, 15, 10 C. 10, 15, 17, 19

Bài 2: (0,5đ)

a/Khoanh vào số bé nhất trong các số:

13 ; 12 ; 15 ; 19 ; 20 .

b/ Khoanh vào số lớn nhất trong các số:

40 ; 50 30 90 80

Bài 3: (0,5đ)

a/ Kết quả của phép cộng 20 + 30 là:

A. 30 B. 40 C. 50 D. 60

b/ Kết quả của phép trừ 80 – 60 là:

A. 20 B. 30 C. 80 D. 60

II/ Phần tự luận:

Bài 1: **Điền số thích hợp vào chỗ chấm:** (1đ)

a/ Số 18 gồm ……chục và ……đơn vị.

b/ Đo và viết số đo độ dài đoạn thẳng AB:

A B

……cm

Bài 2: **Đặt tính rồi tính:** (1đ)

18 – 4 40 + 20 17 – 6 14 + 5

……
……
……
……

Bài 3: **Tính :** (1đ)

15 + 3 = 19 cm – 5 cm + 3 cm =

.....

80 – 70 = 8 cm + 6 cm - 4 cm =

.....

Bài 4: **Điền dấu: : > ; < ; = ?** (1đ)

50 + 30 ..... 90 - 10 15 – 5 …….. 14 + 3

....

70 - 20 ..... 40 + 30 12 + 3 …….. 19 – 4

....

Bài 5: (0,5đ) **Có ….. số tròn chục. Đó là các số:** ……..

……...

Bài 6: Một hộp bút có 12 cái bút xanh và 6 cái bút đỏ. Hỏi hộp đó có tất cả bao nhiêu cái bút? (1,5đ)

Tóm tắt: ***Bài giải***

Bài 7: **Điền số thích hợp vào chỗ chấm**: (1đ)

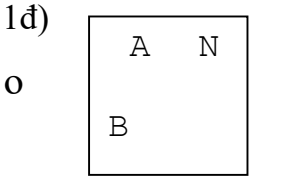

o

P Q

a/ Có ……..điểm ở ngoài hình vuông, có …….điểm ở trong hình vuông.
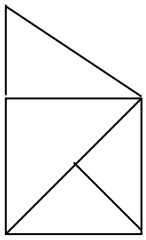
b/ Hình vẽ bên có …….. hình tam giác.